TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS - PT
Ngày: 02 – 6 – 2021
V/v tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 và ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLPT - DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS - ST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2021/QĐ - PT ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 284, đường B, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bành Hồng H, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 320/17, đường B, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 284, đường B, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Bành Hồng H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2018 các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn là bà Huỳnh Thị S trình bày:*

Bà S có phần đất diện tích 361m^2 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại đường B, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0032/QSDĐ được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/7/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị S.

Ngày 18/10/2005, bà S chuyển nhượng cho bà Bành Hồng H một phần thửa đất trên, diện tích chuyển nhượng là ngang trước 05m, ngang sau 0,5m, dài bên phải là 12m và dài bên trái là 12,5m. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tay có khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng chứng kiến (Do bà H tự ghi, rồi đến khóm 1 ký xác nhận), sau đó về nhà đã giao nhận một lần đủ số tiền mua bán là 9.000.000 đồng, không có làm biên nhận.

Sau khi nhận chuyển nhượng xong thì bà H cất nhà hết diện tích đất. Bà H còn rào ngăn lối đi và cặm cột lợp mái tole trên phần đất ngang 2,1m, dài 05m đến cặp kênh thủy lợi để làm đường đi ra phía sau đất của bà S kế bên kênh thủy lợi không cho bà S đi, đã nhiều lần bà S nhắc nhỡ bà H nhưng bà H không thực hiện việc tháo dỡ.

So với lúc thẩm định ngày 24/10/2018 thì hiện trạng có thay đổi cửa hàng rào bằng gỗ tạp đã dỡ bỏ, 01 cây kiểng (Cây bùm sụm) có đường kính gốc dưới 05cm, chiều cao trên 01m và 04 cây xoài con và 01 cây xoài loại C đã bị nhổ bỏ. Hiện nay chỉ còn lại 01 cây vú sữa loại C, mái che và nền xi măng đal + gạch tàu và diện tích phần đất tranh chấp không thay đổi nhưng bà H vẫn còn dùng tấm cửa gỗ chắn ngang đi qua kênh thủy lợi.

Tại phiên Tòa bà S yêu cầu bà Bành Hồng H tháo dỡ mái che có diện tích ngang 2,7m, dài 3,9m = 10,53m^2, có kết cấu cột sắt vuông + gỗ tạp, đỡ mái sắt + gỗ tạp, mái lợp tol và di dời 01 cây vú sữa loại C và các tài sản khác trên đất và trả lại phần đất theo đo đạc thực tế diện tích chiều ngang 2,7m, chiều dài 05m, tổng diện tích 13,5m^2 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, có diện tích 361m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0032/QSDĐ được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/7/1999 cho hộ Huỳnh Thị S. Bà S đồng ý cho bà H che lại mái che với diện tích ngang 0,8m, dài 03m.

- Theo ý kiến của bị đơn tại các văn bản ngày 08/11/2018, ngày 16/10/2019 và lời trình bày của bà Bành Hồng H tại phiên Tòa:

Bà H đồng ý với lời trình bày của bà Huỳnh Thị S về phần đất, thời gian, giá chuyển nhượng là đúng. Cụ thể, bà có mua một phần đất diện tích có kích thước ngang trước 05m, ngang sau 0,5m, dài bên phải là 12m và dài bên trái là 12,5m. Giấy chuyển nhượng đúng là 9.000.000 đồng và bà đã giao đủ số tiền này cho bà S. Bà H đã cất nhà trên phần đất này với kích thước ngang 03m, dài 11,5m, còn lại 0,5m ở mặt trước căn nhà làm bậc tam cấp.

Phần lối đi mà bà H dựng hàng rào và mái lợp tol có kích thước ngang 2,1m và dài 03m, bà H không thừa nhận phần đất này là của bà S và bà cũng không biết đất của ai bà thấy trước nhà của bà và cũng là đường cùng sát kênh thủy lợi nên bà rào lại, sau này bà mới biết đây là đất của bà S.

So với lúc thẩm định ngày 24/10/2018 thì hiện trạng có thay đổi cửa hàng rào bằng gỗ tạp đã dỡ bỏ, 01 cây kiểng (Cây bùm sụm) có đường kính gốc dưới 05cm,

chiều cao trên 01m và 04 cây xoài con và 01 cây xoài loại C đã bị nhổ bỏ. Hiện nay chỉ còn lại 01 cây vú sữa loại C, mái che và nền xi măng đal + gạch tàu và diện tích phần đất tranh chấp không thay đổi nhưng hiện nay bà H vẫn còn dùng tấm cửa gỗ chắn ngang đi qua kênh thủy lợi.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà S, bà H có ý kiến như sau: Bà H không đồng ý tháo dỡ phần mái che có diện tích ngang 2,7m x dài 3,9m = 10,53m^2, có kết cấu cột sắt vuông + gỗ tạp, đỡ mái sắt + gỗ tạp, mái lợp tol và di dời 01 cây vú sữa loại C và các tài sản khác trên đất và không đồng ý trả lại phần đất diện tích ngang 2,7m, dài 05m, tổng diện tích 13,5m^2 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0032/QSDĐ được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/7/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị S.

- Theo ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các văn bản ngày 06/01/2021 và lời trình bày của ông Nguyễn Hữu G tại phiên tòa:

Ông G thống nhất theo lời trình bày của bà Huỳnh Thị S, phần đất tranh chấp tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại đường B, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/7/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị S nhưng thực tế thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông G và bà S. Ông yêu cầu bà H di dời các tài sản để trả lại cho ông và bà S diện tích đất chiều ngang 2,7m, chiều dài 05m, tổng diện tích 13,5 m^2, ông G cũng đồng ý cho bà H che lại mái che với diện tích ngang 0,8m, dài 03m và không có ý kiến trình bày khác.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS - ST ngày 04/3/2021 đã quyết định: Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 224, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 203 của luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị S về việc yêu cầu bà Bành Hồng H trả phần đất lấn chiếm chiều ngang 2,7m, chiều dài 05m, diện tích 13,5m^2 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0032/QSDĐ được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/7/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị S, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp đất của bà Huỳnh Thị S, có số đo 2,7m. Hướng tây giáp Kênh thủy lợi, có số đo 2,7m. Hướng nam giáp đất của bà Bành Hồng H, có số đo 05m. Hướng bắc giáp đất của ông Huỳnh Văn N, có số đo 05m.

2. Buộc bị đơn tháo dỡ mái che diện tích ngang 2,7m, dài 3,9m; kết cấu cột sắt vuông + gỗ tạp, đỡ mái sắt + gỗ tạp mái lợp tôn; Nền xi măng đal + gạch tàu, diện tích ngang 2,7m, dài 3,9m; cây trên đất 01 cây vú sữa loại C và các tài sản khác trên đất. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Hữu G đồng ý

cho bà Bành Hồng H che lại mái che có diện tích ngang 0,8m, dài 03m thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 0032/QSDĐ được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/7/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị S.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 18/3/2021, bị đơn bà H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS - ST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhận ngày 18/3/2021 và Đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung ngày 29/3/2021. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng: Buộc bà S phải hỗ trợ tiền cho bà 03 chỉ vàng 24k mà bà đã mượn bạn của bà để đỗ đất và bít ton nên mới được cao ráo như ngày hôm nay, cộng thêm bà S phải hỗ trợ tiền cho bà theo thẩm định của Tài nguyên môi trường số tiền 6.747.000 đồng. Ngoài ra, bà S kiện bà nhưng Tòa án buộc bà phải trả tiền thẩm định, định giá cho bà S 1.150.000 đồng bà không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà S không rút đơn khởi kiện và cho rằng khi chuyển nhượng đất cho bà H thì gia đình bà đồng ý để lối đi chung hiện nay đang tranh chấp, khi cất nhà bà H hỏi bà che mái che nên bà cho che ra lối đi 0,8m, sau này bà H tự ý che thêm như hiện trạng hiện nay. Nay bà vẫn đồng ý để lối đi chung cho bà H cùng sử dụng, đồng ý chừa lại một phần mái che ra lối đi 0,8m, phần còn lại thì tháo dỡ, nếu vẫn giữ nguyên phần buộc trả lối đi cho bà như án sơ thẩm thì bà đồng ý chịu tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.150.000 đồng, còn các yêu cầu khác của bà H bà không đồng ý. Bị đơn bà H không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng khi chuyển nhượng thì không có chuyển nhượng phần lối đi đang tranh chấp, nhưng bà S không có nói chừa lối đi qua kênh thủy lợi; trước đây bà có yêu cầu phản tố, nhưng bà không có tiền nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên bà đã rút lại yêu cầu phản tố; nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo. Ông G thống nhất với ý kiến của bà S. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, đề nghị ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà S và ông G và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn bà Huỳnh Thị S, bị đơn bà Bành Hồng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu G đều có mặt, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo Đơn kháng cáo bà H cho rằng bà S muốn làm lối đi trước nhà bà để bắt cầu qua kênh thủy lợi, bà cũng đồng ý và tại phiên tòa bà H xác định khi chuyển nhượng thì không có chuyển nhượng phần lối đi đang tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà S và buộc bà H trả lại lối đi ngang 2,7m, dài 05m là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H tháo dỡ mái che ngang 2,7m, dài 3,9m nằm trên phần đất buộc trả cho bà S là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà S và ông G đồng ý chừa lại một phần mái che ra lối đi 0,8m, phần còn lại thì tháo dỡ, nên HĐXX ghi nhận ý kiến tự nguyện này của bà S và ông G.

[4] Xét kháng cáo của bà H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng: Buộc bà S phải hỗ trợ tiền cho bà 03 chỉ vàng 24k mà bà đã mượn bạn của bà để đổ đất và bít ton nên mới được cao ráo như ngày hôm nay, cộng thêm bà S phải hỗ trợ tiền cho bà theo thẩm định của Tài nguyên môi trường số tiền 6.747.000 đồng. Xét thấy, việc bà H cho rằng bà mượn của bạn bà tên Trương Kim A để để đổ đất và bít ton, được bà A (BL số 191) xác định: Bà H có mượn bà 03 chỉ vàng 24k để đổ đất và bít ton làm lối đi, bà không trực tiếp chứng kiến, bà không biết bà H làm lối đi hết bao nhiêu tiền. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đổ đất và bít ton số tiền cụ thể là bao nhiêu, nên không có căn cứ để xác định việc bà mượn 03 chỉ vàng 24k của bà A là để đổ đất và bít ton làm lối đi. Còn đối với số tiền 6.747.000 đồng là số tiền định giá đất và tài sản trên đất, bà S không đồng ý hỗ trợ cho bà H số tiền này, nên yêu cầu này của bà H cũng không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, bà H đã rút lại yêu cầu này ở giai đoạn sơ thẩm, nên kháng cáo của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bà H về việc bà S kiện bà nhưng Tòa án buộc bà phải trả tiền thẩm định, định giá cho bà S số tiền 1.150.000 đồng bà không đồng ý. Xét thấy, việc bà S kiện bà H là tranh chấp dân sự (Tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm) được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do các bên không thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án, nên bắt buộc phải tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Do yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ chấp nhận, nên bà H phải chịu chi phí tố tụng này được quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu và hoàn trả cho bà S số tiền 1.150.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà S đồng ý chịu tiền chi phí

tố tụng này, nên HĐXX ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà S.

[6] Từ những phân tích và nhận định tại mục [4] và [5] như đã nêu trên, nhận thấy toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà H là không có căn cứ chấp nhận. Nhưng HĐXX ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà H và ông G, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Chừa lại một phần mái che ra lối đi 0,8m, phần còn lại thì tháo dỡ và bà S chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.150.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G và bà S nộp đơn yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại do bà H lấy đất của ông, bà làm lối đi số tiền 19.200.000 đồng và bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, để ông, bà làm lối đi khác vào đất của ông, bà. Tuy nhiên, yêu cầu này phát sinh từ giai đoạn phúc thẩm, chưa được cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án dân sự sơ thẩm không liên quan đến nội dung kháng cáo, nên bà H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, đề nghị ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà S và ông G và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Bành Hồng H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS - ST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị S. Buộc bà Bành Hồng H trả phần đất lấn chiếm chiều ngang 2,7m, chiều dài 5m, diện tích 13,5m^2 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0032/QSDĐ được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/7/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị S, có số đo, tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp đất của bà Huỳnh Thị S, có số đo 2,7m.

Hướng tây giáp Kênh thủy lợi, có số đo 2,7m. Hướng nam giáp đất của bà Bành Hồng H, có số đo 05m. Hướng bắc giáp đất của ông Huỳnh Văn N, có số đo 05m. Nhưng ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Hữu G về việc thống nhất lối đi phía trước nhà của bà Bành Hồng H là lối đi chung, bà Bành Hồng H được quyền sử dụng lới đi chung này.

- Ổn định cho bà Bành Hồng H mái che chiều ngang tính từ nhà bà H hướng ra lối đi, có số đo 0,8m, chiều dài theo lối đi, có số đo 3,9m; kết cấu cột sắt vuông + gỗ tạp, đỡ mái sắt + gỗ tạp mái lợp tôn.

- Buộc bị đơn bà Bành Hồng H tháo dỡ, di dời mái che tính từ vị trí ổn định cho bà Bành Hồng H hướng ra lối đi, có số đo 1,9m, chiều dài theo lối đi, có số đo 3,9m; kết cấu cột sắt vuông + gỗ tạp, đỡ mái sắt + gỗ tạp mái lợp tôn và buộc bị đơn bà Bành Hồng H tháo dỡ, đập bỏ hoặc di dời nền xi măng đal + gạch tàu, diện tích ngang 1,9m, dài 3,9m (Nằm phía dưới phần mái che phải tháo dỡ, di dời); cây trên đất 01 cây vú sữa loại C và các tài sản khác trên đất (Đính kèm Sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ – BL số 68).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị S không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn bà Bành Hồng H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) nguyên đơn bà Huỳnh Thị S đồng ý chịu và đã nộp xong.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bành Hồng H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Toàn